

Bản án số: **13** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6 -2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân :

Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Ông Mai Hồ Hải Thành

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Lành – Là Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HPT ngày 17/6/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P. Sinh năm : 1981. Nghề nghiệp: Công nhân. Trú tại : tổ 43, phường C, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* : Bà Trần Thị K. Sinh năm: 1986. Nghề nghiệp: Tự do.
Trú tại : 113/H03/5 P, tổ 49 (cũ) tổ 82 (mới)phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019 được trung tâm hòa giải tại Tòa án chuyển đến ngày 04/03/2019, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân : Tôi và bà Trần Thị K kết hôn vào năm 2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chính Gián, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn vợ chồng tôi thuê nhà trọ gần gia đình vợ ở phường An Hải Bắc sống. Tôi và bà K sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà K thường hay bỏ nhà đi qua đêm 2,3 ngày mới về, tôi hỏi thì bà K cũng không trả lời nên tôi và bà K thường gây gổ cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà K bỏ về nhà cha mẹ bà K ở, còn tôi cũng về nhà cha mẹ ở Thanh Khê sống từ đó cho đến nay. Tôi và bà K sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay tôi xác định không còn tình cảm với Bà Trần Thị K nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Bà Trần Thị K.

- Về con chung : tôi xác định có 01 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 02/5/2012. Nếu ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi con và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung : Tôi xác định không có.

Bị đơn, Bà Trần Thị K từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung xét thấy quan hệ hôn nhân của ông P và bà K đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thực tế không

còn tồn tại nên cần áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho ông P được ly hôn bà K; về con chung: ông P xác nhận có 01 con chung với bà K là Nguyễn Văn T sinh ngày 02/5/2012 và có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà K phải cấp dưỡng nuôi con chung, bà K không có ý kiến, yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam giao con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/5/2012 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị K là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay Bà Trần Thị K vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn P và Bà Trần Thị K kết hôn năm 2011 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 112, quyển số 01/2011 cấp ngày 25/7/2011. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông P, bà K thuê nhà trọ gần gia đình vợ ở phường An Hải Bắc sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông P trình bày là do bà K thường hay bỏ nhà đi qua đêm 2,3 ngày mới về; ông P hỏi thì bà K cũng không trả lời nên ông P và Bà K thường gây gổ cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà K bỏ về nhà bà K ở, còn ông P cũng về nhà cha mẹ sống cho đến nay. Ông P và bà K sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông P xác định không còn yêu thương bà K nên xin được ly hôn, còn bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về quan hệ hôn nhân này. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông P thì thấy: Giữa

ông P và bà K từ khi kết hôn năm 2011 đến nay hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Đối với bà K có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ không còn tha thiết với chính gia đình của mình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung. Đại diện tổ dân phố nơi ông P, bà K sinh sống xác định ông P và bà K sau khi kết hôn có sống tại tổ 49 cũ (82 mới) phường An Hải Bắc, đến năm 2015 có mâu thuẫn nên ông P và bà K không sống chung với nhau nữa. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân mà thực tế đã không còn tồn tại mà giải quyết cho ông P được ly hôn với bà K là phù hợp quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Ông P xác định có 01 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 02/5/2012. Ly hôn nguyện vọng của ông P được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu Nguyễn Văn T đang chung sống với ông P, bà K không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con nên cần tiếp tục giao con Nguyễn Văn T sinh ngày 02/5/2012 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Do ông P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập đến.

[4]Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn P xác định không có. Bà Trần Thị K không có ý kiến gì về các vấn đề này nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ nguyên đơn Ông Nguyễn Văn P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với bà Trần Thị K về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Tuyên xử: - Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Trần Thị K (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn P đối với bà Trần Thị K nên giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2011 cấp ngày 25/7/2011 do UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng cấp ngày 25/7/2011 không còn giá trị pháp lý*)

- Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/5/2012 cho ông Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung .

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng Ông Nguyễn Văn P phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, biên lai thu số **0007676 ngày 15/3/2019**.

Báo cho ông Nguyễn Văn P biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, **ngày 27/ 6 /2019**. Riêng bà Trần Thị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Sơn Trà - Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà, ĐN;
- Các đương sự;
- UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ MỸ DUNG